

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Dự án: Đường ven biển (phía Tây đầm thị nại), đoạn từ Cát Tiến đến Gò Bồi

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/6/2014;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT ngày 16/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu, lộ trình áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng và quản lý, sử dụng giá trị bảo đảm dự thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng không được hoàn trả;

Căn cứ Quyết định số 5099/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 của UBND tỉnh về việc phân bổ và giao kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách tỉnh năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 4488/QĐ-UBND ngày 30/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng dự án Đường ven biển (phía Tây Đầm Thị Nại), đoạn từ Cát Tiến đến Gò Bồi;

Căn cứ Quyết định số 4927/QĐ-UBND ngày 01/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu (Bước khảo sát, lập thiết kế BVTC-DT) dự án Đường ven biển (phía Tây Đầm Thị Nại), đoạn từ Cát Tiến đến Gò Bồi;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 03/BC-SKHĐT ngày 04/01/2021 và đề nghị của Ban QLDA Giao thông tỉnh tại Văn bản số 2227/TTr-BQLGT ngày 22/12/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Đường ven biển (phía Tây Đầm Thị Nại), đoạn từ Cát Tiến đến Gò Bồi. Chi tiết có Phụ lục Kèm theo.

Điều 2. Ban QLDA Giao thông tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Giám đốc Ban QLDA Giao thông tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tụ Công Hoàng;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K19.(M.12b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tụ Công Hoàng

PHỤ LỤC
KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Dự án: Đường ven biển (phía Tây Đầm Thị Nại), đoạn từ Cát Tiến đến Gò Bồi.
(Kèm theo Quyết định số: _____/QĐ-UBND ngày _____/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (1.000 đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Tư vấn lập HSMT, đánh giá HSDT	601.998	Vốn ngân sách Nhà nước	Tự thực hiện	Thỏa thuận giao việc	Từ Quý I/2021	Trộn gói	45 ngày
2	Tư vấn lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng bước BVTC	128.340		Chỉ định thầu	Thương thảo hợp đồng	Từ Quý I/2021	Trộn gói	10 ngày
3	Tư vấn kiểm định chất lượng công trình	2.428.449		Đấu thầu rộng rãi qua mạng	Một giai đoạn hai túi hồ sơ	Từ Quý I/2021	Trộn gói	Theo thời gian xây dựng
4	Tư vấn thẩm tra an toàn giao thông	200.000		Chỉ định thầu	Thương thảo hợp đồng	Từ Quý IV/2022	Trộn gói	30 ngày
5	Tư vấn kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành	1.414.423		Đấu thầu rộng rãi qua mạng	Một giai đoạn hai túi hồ sơ	Năm 2022	Trộn gói	30 ngày
6	Tư vấn giám sát thi công xây dựng gói thầu xây lắp số 1	1.444.996	Vốn ngân sách	Đấu thầu rộng rãi qua mạng	Một giai đoạn, hai túi hồ sơ	Từ Quý I/2021	Trộn gói	Theo thời gian xây

TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (1.000 đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
			Nhà nước					dựng
7	Tư vấn giám sát thi công xây dựng gói thầu xây lắp số 2	1.482.697		Đấu thầu rộng rãi qua mạng	Một giai đoạn, hai túi hồ sơ	Từ Quý I/2021	Trọn gói	Theo thời gian xây dựng
8	Tư vấn giám sát thi công xây dựng gói thầu xây lắp số 3	1.199.686		Đấu thầu rộng rãi qua mạng	Một giai đoạn, hai túi hồ sơ	Từ Quý I/2021	Trọn gói	Theo thời gian xây dựng
9	Tư vấn giám sát thi công xây dựng gói thầu xây lắp số 4	1.132.445		Đấu thầu rộng rãi qua mạng	Một giai đoạn, hai túi hồ sơ	Từ Quý I/2021	Trọn gói	Theo thời gian xây dựng
10	Tư vấn giám sát thi công xây dựng gói thầu xây lắp số 5	1.796.569		Đấu thầu rộng rãi qua mạng	Một giai đoạn, hai túi hồ sơ	Từ Quý I/2021	Trọn gói	Theo thời gian xây dựng
11	Bảo hiểm công trình xây dựng gói thầu xây lắp số 1	663.267	Vốn ngân sách	Đấu thầu rộng rãi qua mạng	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	Từ Quý I/2021	Trọn gói	Theo quy định

TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (1.000 đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
12	Bảo hiểm công trình xây dựng gói thầu xây lắp số 2	824.600	Nhà nước	Đấu thầu rộng rãi qua mạng	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	Từ Quý I/2021	Trộn gói	Theo quy định
13	Bảo hiểm công trình xây dựng gói thầu xây lắp số 3	541.873		Đấu thầu rộng rãi qua mạng	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	Từ Quý I/2021	Trộn gói	Theo quy định
14	Bảo hiểm công trình xây dựng gói thầu xây lắp số 4	466.060		Chỉ định thầu	Thương thảo hợp đồng	Từ Quý I/2021	Trộn gói	Theo quy định
15	Bảo hiểm công trình xây dựng gói thầu xây lắp số 5	999.057		Đấu thầu rộng rãi qua mạng	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	Từ Quý I/2021	Trộn gói	Theo quy định
16	Rà phá bom mìn, vật nổ	3.787.001		Chỉ định thầu	Thương thảo hợp đồng	Từ Quý I/2021	Trộn gói	30 ngày
17	Tư vấn quan trắc môi trường trong quá trình thi công xây dựng	116.000		Chỉ định thầu	Thương thảo hợp đồng	Từ Quý I/2021	Trộn gói	Theo thời gian xây dựng

TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (1.000 đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
18	Gói thầu số 1: Toàn bộ khối lượng xây dựng nền, mặt đường, công trình thoát nước đoạn Km0 - Km1 và Hệ thống điện chiếu sáng, cây xanh toàn tuyến	186.919.764 (Trong đó: CP xây dựng: 168.180.380; CP khác: 1.251.475 (chi phí di chuyển máy, thiết bị thi công và lực lượng lao động đến và ra khỏi công trường: 336.361; chi phí hoàn trả hạ tầng kỹ thuật do bị ảnh hưởng khi thi công xây dựng (tạm tính): 400.000; chi phí đảm bảo giao thông (CPXD x 0,1%): 168.181; chi phí xây dựng nền móng trạm trộn BTXM tại Km1+820,81: 110.129; chi phí xây dựng trạm biến áp và hệ thống cấp điện trạm trộn BTXM tại Km1+820,81: 236.804); CP thiết bị: 433.434; CP dự phòng: 17.054.475; (DPKL: 15.287.876, DPTG: 1.766.599)	Vốn ngân sách Nhà nước	Đấu thầu rộng rãi	Một giai đoạn, hai túi hồ sơ	Từ Quý I/2021	Theo đơn giá điều chỉnh	36 tháng

TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (1.000 đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
19	Gói thầu số 2: Toàn bộ khối lượng xây dựng nền, mặt đường, công trình thoát nước đoạn Km1 - Km2	187.845.368 (Trong đó: CP xây dựng: 169.451.156; CP khác: 1.255.286 (<i>chi phí di chuyển máy, thiết bị thi công và lực lượng lao động đến và ra khỏi công trường</i>: 338.902; <i>chi phí hoàn trả hạ tầng kỹ thuật do bị ảnh hưởng khi thi công xây dựng (tạm tính)</i>: 400.000; <i>chi phí đảm bảo giao thông</i>: 169.451; <i>chi phí xây dựng nền móng trạm trộn BTXM tại Km1+820,81</i>: 110.129; <i>chi phí xây dựng trạm biến áp và hệ thống cấp điện trạm trộn BTXM tại Km1+820,81</i>: 236.804); CP dự phòng: 17.138.926 (DPKL: 15.363.579, DPTG: 1.775.347)	Vốn ngân sách Nhà nước	Đấu thầu rộng rãi	Một giai đoạn, hai túi hồ sơ	Từ Quý I/2021	Theo đơn giá điều chỉnh	36 tháng

TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (1.000 đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
20	Gói thầu số 3: Toàn bộ khối lượng xây dựng nền, mặt đường, công trình thoát nước đoạn Km2 - Km3	152.147.139 (Trong đó: CP xây dựng: 137.107.049; CP khác: 1.158.254 (<i>chi phí di chuyển máy, thiết bị thi công và lực lượng lao động đến và ra khỏi công trường: 274.214, chi phí hoàn trả hạ tầng kỹ thuật do bị ảnh hưởng khi thi công xây dựng (tạm tính): 400.000; chi phí đảm bảo giao thông: 137.107; chi phí xây dựng nền móng trạm trộn BTXM tại Km1+820,81: 110.129; chi phí xây dựng trạm biến áp và hệ thống cấp điện trạm trộn BTXM tại Km1+820,81: 236.804</i>); CP dự phòng: 13.881.836 (DPKL: 12.443.877; DPTG: 1.437.959)	Vốn ngân sách Nhà nước	Đấu thầu rộng rãi	Một giai đoạn, hai túi hồ sơ	Từ Quý I/2021	Theo đơn giá điều chỉnh	36 tháng

TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (1.000 đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
21	Gói thầu số 4: Toàn bộ khối lượng xây dựng nền, mặt đường, công trình thoát nước đoạn Km3 - Km4	143.665.511 (Trong đó: CP xây dựng: 129.422.335; CP khác: 1.135.200 (<i>chi phí di chuyển máy, thiết bị thi công và lực lượng lao động đến và ra khỏi công trường</i>: 258.845; <i>chi phí hoàn trả hạ tầng kỹ thuật do bị ảnh hưởng khi thi công xây dựng (tạm tính)</i>: 400.000; <i>chi phí đảm bảo giao thông</i>: 129.422; <i>chi phí xây dựng nền móng trạm trộn BTXM tại Km1+820,81</i>: 110.129; <i>chi phí xây dựng trạm biến áp và hệ thống cấp điện trạm trộn BTXM tại Km1+820,81</i>: 236.804); CP dự phòng: 13.107.976 (DPKL: 11.750.178, DPTG: 1.357.798)	Vốn ngân sách Nhà nước	Đấu thầu rộng rãi	Một giai đoạn, hai túi hồ sơ	Từ Quý I/2021	Theo đơn giá điều chỉnh	36 tháng

TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (1.000 đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
22	Gói thầu số 5: Toàn bộ khối lượng xây dựng nền, mặt đường, công trình thoát nước đoạn Km4 - Km5	227.436.377 (Trong đó: CP xây dựng: 205.322.285; CP khác: 1.362.900 (<i>chi phí di chuyển máy, thiết bị thi công và lực lượng lao động đến và ra khỏi công trường</i>: 410.645; <i>chi phí hoàn trả hạ tầng kỹ thuật do bị ảnh hưởng khi thi công xây dựng (tạm tính)</i>: 400.000; <i>chi phí đảm bảo giao thông</i>: 205.322; <i>chi phí xây dựng nền móng trạm trộn BTXM tại Km1+820,81</i>: 110.129; <i>chi phí xây dựng trạm biến áp và hệ thống cấp điện trạm trộn BTXM tại Km1+820,81</i>: 236.804); CP dự phòng: 20.751.192 (DPKL: 18.601.666, DPTG: 2.149.526)	Vốn ngân sách Nhà nước	Đấu thầu rộng rãi	Một giai đoạn, hai túi hồ sơ	Từ Quý I/2021	Theo đơn giá điều chỉnh	36 tháng
23	Cấm cọc giải phóng mặt bằng	196.367	Vốn ngân sách	Chỉ định thầu	Thương thảo hợp đồng	Từ Quý I/2021	Trọn gói	20 ngày

TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (1.000 đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
24	Xây dựng Pano công bố quy hoạch	116.453	Nhà nước	Chỉ định thầu	Thương thảo hợp đồng	Từ Quý I/2021	Trộn gói	20 ngày
Tổng cộng giá trị các gói thầu: 917.554.440.000 đồng./.								